TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/DS-PT
Ngày 28-11-2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ;

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hồng;

Bà Chu Lệ Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLPT-DS ngày 02/7/2018 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 67/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2018/QĐPT-DS ngày 20/11/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của nguyên đơn: Bà Triệu Thị Kim L - Luật sư cộng tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của bị đơn: Ông Đinh Công T1 - Luật sư cộng tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1966, có mặt.

2. Bà Tô Thị S, sinh năm 1967, vắng mặt.

3. Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1992, có mặt.

4. Chị Hoàng Thị T3, sinh năm 1995, vắng mặt.

5. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1967, vắng mặt.

6. Ông Phan Văn S1, vắng mặt.

7. Bà Hoàng Thị M, vắng mặt.

8. Anh Hoàng Tuấn L, vắng mặt.

9. Anh Hoàng Tú L1, vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H; anh Hoàng Tuấn L; anh Hoàng Tú L1 là ông Hoàng Văn T, địa chỉ cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2018).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tô Thị S; anh Hoàng Văn T2; chị Hoàng Thị T3 là ông Hoàng Văn K, địa chỉ cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2017; 24/4/2018).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Văn S1 là anh Phan Văn P, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/11/2017).

10. Ủy ban nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn: Ông Bế Văn S2 - Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06/02/2018), vắng mặt.

- Người kháng cáo: Ông Hoàng Văn T là nguyên đơn, bà Trần Thị H, anh Hoàng Tuấn L, anh Hoàng Tú L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Hoàng Văn T và gia đình ông Hoàng Văn K tranh chấp với nhau diện tích 8.162,7m^2, trong đó điện tích thuộc thửa 87 là: 4.096,8m^2 và diện

tích đất thuộc thửa 80 là: 4.065,9m^2. Số diện tích đất tranh chấp này nằm trong tổng 02 thửa đất số 80, 87, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 của xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008.

Theo ông Hoàng Văn T trình bày: Năm 1981 bố, mẹ ông T khai phá được 01 mảnh đất vườn tại Hthuộc thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, từ năm 1986 - 1995 gia đình hàng năm trồng trám trắng, trám đen, năm 1996 được Ủy ban nhân dân huyện T ra Quyết định 270 ngày 10/10/1996 cấp bìa xanh cho ông T với diện tích 3,95ha, gồm Lọ N lô 242, diện tích 1,3ha, Lọ M lô 259, diện tích 2ha, Lọ H lô 336, diện tích 0,65ha. Năm 2006 Ủy ban nhân dân xã H thu hồi sổ bìa xanh lô 336, diện tích 0,65ha để làm căn cứ kê khai bìa đỏ, năm 2009 gia đình ông T nhận được bìa đỏ thì thấy số thửa 70, bản đồ 02, diện tích 9.283m^2, diện tích này chính là đất PAM trên đỉnh đồi phía dưới liền kề với lô 336, không hiểu vì lý do gì mà Ủy ban nhân dân xã, địa chính xã H, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T làm sai lệch toàn bộ hồ sơ lô 336 thành thửa 70, bản đồ số 02, diện tích 9.283m^2 sau đó họ nại ra rằng thửa 80, bản đồ số 02, diện tích 7.746m^2 chưa có ai quản lý nhưng lúc đó cây trên đất đã cho thu hoạch. Còn ông K nại ra là do ông T tố cáo nên lô 80 ông K hiện nay vẫn chưa được cấp sổ đỏ, ông K đã lén lút trồng xen kẽ cây Hồi xuống lô đất 336 của gia đình ông nên đến ngày 17/6/2013 ông T đã đến chặt phá đi 24 cây hồi và 34 cây gỗ tạp trên thửa 80, bản đồ số 02, diện tích 7.746m^2 đo vẽ năm 2009 phê duyệt năm 2011 tương ứng với lô 336. Lời khai của ông K tại cơ quan Công an huyện T cũng thừa nhận lô 80 bản đồ địa chính năm 2009 tương ứng với lô 336 bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1996 và biên bản kiểm tra thực địa ngày 17/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện T, Hạt kiểm lâm huyện T, Ủy ban nhân dân xã H cũng xác định lô 80 bản đồ địa chính năm 2009 tương ứng với lô 336 bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1996. Nay yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Văn K trả lại lô đất 80 tương ứng với lô 336 diện tích 0,65ha ông T được cấp bìa xanh năm 1996 đồng thời buộc ông K phải chặt các cây Hồi mà ông K lén trồng xuống đất của gia đình ông T, buộc ông Hoàng Văn K bồi thường 02 cây Trám đen trị giá 2.000.000 đồng.

Ông Hoàng Văn K trình bày: Năm 1996 được sự đồng ý của ông Phan Văn S1, gia đình ông đã ra phát quang và dựng nhà ở vào năm 1997, khi đó có 03 thửa ruộng và các nương lân cận ông Sơn đã chuyển nhượng cho ông K và năm 1996 ông K đã được cấp bìa xanh với số lô đất 262, năm 1997, 1998 ông K đã trồng các cây Hồi và các cây ăn quả khác, năm 2008 ông K đã kê khai để cấp sổ bìa đỏ từ lô 262 thành lô 80 và lô 87 là một nửa diện tích của lô 260 của ông Hoàng Văn C chuyển sang tên ông Hoàng Văn K. Ngày 17/6/2013 hai bố con ông T đã tự tiện mang máy cưa đến chặt phá hồi của ông K. Nay ông K yêu cầu ông Hoàng Văn T chấm dứt tranh chấp đất và buộc ông Hoàng Văn T, anh Hoàng Tuấn L bồi thường 24 cây Hồi và 34 cây gỗ tạp theo giá mà Hội đồng định giá là 14.938.000 đồng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/11/2017 và ngày 26/12/2017 xác định tổng diện tích đất tranh chấp 8.162,7m^2, trong đó diện tích thuộc thửa 87 là: 4.096,8m^2 và diện tích đất thuộc thửa 80 là: 4.065,9m^2. Số diện

tích đất tranh chấp này nằm trong tổng 02 thửa đất số 80, 87, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 của xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn đo vẽ năm 2008. Trên đất gồm có các cây hồi của hộ ông Hoàng Văn K trồng và có các cây bụi, cây gỗ tạp và 24 gốc cây hồi, 34 gốc cây gỗ tạp bị chặt phá. Qua xem xét thẩm định đối chiếu hai bản đồ giao đất, giao rừng đo vẽ năm 1996 với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Hđo vẽ năm 2008 xác định được đất đang tranh chấp nằm trong 02 thửa đất là thửa số 80 và thửa số 87 tại bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H đo vẽ năm 2008, tương ứng với 02 lô đất này là lô đất 262 trong bản đồ giao đất, giao rừng đo vẽ năm 1996 và ngày 10 tháng 10 năm 1996 đã được cấp sổ Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ bìa xanh) số lô 262, diện tích 0,65ha cho hộ ông Hoàng Văn K và gia đình ông K đã trồng cây hồi trên toàn bộ thửa đất trên từ năm 1997, 1998.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 điều 147; khoản 1 điều 157; khoản 1 điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100; 101 của Luật Đất đại năm 2013; Điều 584; 585; 587; 589 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

2. Xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T đối với ông Hoàng Văn K đòi quyền quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp tại Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận hộ ông Hoàng Văn K quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp tại Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn là H pháp, hộ ông Hoàng Văn K có quyền tiếp tục làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. (Có tuyên các phía tiếp giáp và có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Hoàng Văn T và anh Hoàng Tuấn L phải liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Hoàng Văn K với số tiền là 14.938.000đ (mười bốn triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng) tương ứng với trị giá 24 cây hồi và 34 cây gỗ tạp. Cụ thể theo phần mỗi người phải chịu 7.469.000đồng (bảy triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Hoàng Văn K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Hoàng Văn T, anh Hoàng Tuấn L không thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền chậm trả quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/5/2018 và ngày 06/6/2018, ông Hoàng Văn T, bà Trần Thị H, anh Hoàng Tuấn L, anh Hoàng Tú L1 kháng cáo đề nghị giải quyết cho gia đình ông Hoàng Văn T và bà Trần Thị H được quyền quản lý, sử dụng lô đất số 336 diện tích 0,65ha, địa danh Hđúng diện tích, vị trí mà năm 1996 Nhà nước đã

giao cho hộ gia đình ông T và bà H quản lý, sử dụng. Không đồng ý bồi thường cho ông Hoàng Văn K số tiền 14.938.000 đồng tương ứng với giá trị 24 cây hồi và 34 cây gỗ tạp đã bị chặt.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm nguyên đơn ông Hoàng Văn T có đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định. Ngày 07/9/2018 Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định số 06/2018/QĐ-TCGĐ, xác định rõ thửa đất số 336 diện tích 0,65ha, địa danh Hđã được cấp bìa xanh năm 1996 cho gia đình ông Hoàng Văn T và bản đồ 2009 đã được cấp sổ đỏ cho gia đình ông Hoàng Văn T có đúng vị trí không. Ngày 05/11/2018, Tòa án đã nhận được bàn Kết luận giám định tư pháp với nội dung*: "Do bản đồ giao đất lâm nghiệp xã H, huyện T thực hiện năm 1996 can vẽ thể hiện các yếu tố trên bản vẽ như: Đường bình độ, ranh giới tiểu khu, sông suối… (tại mục chú dẫn của bản đồ), khoanh vẽ ranh giới thửa đất bằng phương pháp thủ công (bằng tay) trên nền giấy, không có tọa độ cụ thể nên việc tham chiếu giữa bản đồ giao đất lâm nghiệp với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 tỷ lệ 1 : 10000 xã H, huyện T để xác định vị trí thửa đất 336 tương ứng với vị trí đất đã cấp Giấy chứng nhận cho ông Hoàng Văn T theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp là rất khó thực hiện, không có cơ sở. Nếu xét đoán theo mắt thường giữa hai loại tài liệu trên thì vị trí thửa đất số 336 bản đồ giao đất lâm nghiệp gần tương ứng với thửa đất số 70, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 tỷ lệ 1:10000."*

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hoàng Văn T, bà Trần Thị H giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của nguyên đơn trình bày: Đất tranh chấp do bố mẹ ông T khai phá từ năm 1981 và đã trồng màu trên đất, đến năm 1986 gia đình ông T bắt đầu trồng trám. Năm 1996, gia đình ông T đi kê khai và được cấp sổ bìa xanh, đến năm 2009 nhà nước thu hồi sổ bìa xanh để cấp bìa đỏ thì gia đình ông lại được cấp cho thửa đất số 70. Căn cứ biên bản xác minh thực địa năm 2013 xác định số cây đang tranh chấp nằm trong lô 336 của ông T đã được giao năm 1996. Do đó ông K yêu cầu khởi tố vụ án hình sự là không có căn cứ. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ xác định thửa 87 tương ứng với lô 260 của ông Hoàng Văn C, tại biên bản làm việc ngày 02/7/2013 ông K thừa nhận của ông T, ông K đã đổi cho ông T. Ông T không thừa nhận việc trao đổi với ông K. Tại biên bản lấy lời khai năm 2015 tại Công an huyện tràng định, ông K thừa nhận ông Cường chỉ bán cho ông hơn 300m^2 đất do vậy không có căn cứ cho rằng cả thửa 87 do ông K mua của ông Cường. Ông K nại ra thửa 80 là lô 262 cũ mua với ông Sơn nhưng thực tế đó là lô 336 của gia đình ông T đã được cấp sổ bìa xanh, do đó giấy tờ mua bán này không có căn cứ. Biên bản thẩm định ngày 26/12/2017 của TAND huyện Tràng Định không xác định đất thuộc địa danh nào. Biên bản hòa giải năm 2013 tại xã H, ông Sơn trình bày ông nhượng cho ông K mấy đám ruộng, chỉ cách ruộng khoảng 10m. Sau khi kháng cáo ông T có đơn đề nghị treng cầu giám định lại và theo kết luận giám định vị trí thửa đất gần tương ứng với thửa 70, không hoàn tòa nằm trong lô 80 của ông K là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn

cứ Điều 5, Điều 12 Luật Đất đai, Điều 11, 14, 166 Bộ luật Dân sự xử cho ông T được quản lý toàn bộ diện tích đất tranh chấp, buộc ông K di dời cây, ông T không phải bồi thường cây, ông T không phải chịu các khoản án phí lệ phí mà cấp sơ thẩm tuyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của bị đơn trình bày: Ông K có quá trình canh tác liên tục từ năm 1997 đến nay, ông T không cung cấp được giấy tờ gì liên quan đến khu đất tranh chấp trong khi đó ông K đã có sổ bìa xanh. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện Tràng Định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Theo bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1996 gia đình ông T được giao lô 336, diện tích 0,65ha; ông K được giao lô 262, diện tích 0,65ha; giáp với lô 336 là lô 260, diện tích 01ha của ông Hoàng Văn C. Năm 2008 cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc bản đồ địa chính để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T và hộ ông K đã căn cứ hồ sơ giao đất, giao rừng do hai gia đình giao nộp, theo đó ông T được giao thửa 70, tờ bản đồ số 02, diện tích 9.283m^2 tương ứng với lô 336; ông K được giao thửa 80, diện tích 7.746m^2 tương ứng với lô 262 và thửa 87, diện tích 6.537m^2 tương ứng với một phần lô 260 ông Cường cho ông K; ông Cường được giao thửa 86 tương ứng với phần còn lại của lô 260.

Tại phiên tòa ông T, ông K cùng có lời khai khẳng định: Vị trí lô 262 và lô 336 được ngăn cách bởi rừng vầu, vị trí rừng vầu ông K nhận chuyển nhượng với ông Nguyễn Văn B (vợ là bà Triệu Thị M), hiện nay ông K đã xây dựng nhà, phía sau nhà ông K là phần diện tích đất tranh chấp được ngăn cách bởi một rãnh mương, phía trước nhà ông K là con đường dân sinh, dưới con đường là vườn chè, bên cạnh nhà là đám ruộng mua với ông S1.

Từ lời khai của các đương sự tại tòa, qua xem xét đối chiếu với bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1996, bản đồ địa chính năm 2008, sơ họa phần đất tranh chấp, lời khai của những người làm chứng xác định được: Theo bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1996, lô 336 có vị trí phía Tây giáp và bằng với lô 260 của ông Hoàng Văn C, còn lô 262 của gia đình ông K ở phía dưới, thấp hơn lô 260 và lô 336. Theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2008 vị trí đất tranh chấp thửa 87, 80 phía Tây giáp và bằng với thửa 86 của ông Hoàng Văn C, do đó có căn cứ khẳng định thửa 80 của ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 tương ứng với lô 336 của ông T được giao năm 1996. Kết quả đối chiếu này phù H với Biên bản kiểm tra thực địa do Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai, Hạt Kiểm lâm, Công an huyện T, Công an xã, địa chính xã, Công an viên thôn Bản Pioòng, xã H, huyện T lập ngày 17/9/2015, phù H với lời thừa nhận của ông K tại Biên bản lấy lời khai của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ngày 17/9/2015, phù H với nội dung

nhận định của bản án hình sự sơ thẩm số 04/2016/HSST ngày 08/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn về việc xác định 24 cây hồi, 34 cây gỗ tạp ông T và anh L chặt nằm trong thửa đất số 80, tương ứng với lô 336, bản đồ giao đất lâm nghiệp xã H năm 1996.

Đối với các cây trồng có trên đất tranh chấp: Theo phân tích ở trên xác định phần diện tích đất tranh chấp trong thửa 80 tương ứng với vị trí lô 336 của ông T nên ông T được quản lý sử dụng đất, sở hữu cây trên đất nhưng phải bù giá trị cây cho ông K. Đối với 03 cây trám ông T, ông K đều khai được trồng nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh, theo lời khai của anh Cường tại phiên tòa sơ thẩm thì trước khi cho đất ông T anh Cường trồng trám nên ông T cho rằng cây trám do ông trồng là không có cơ sở, nay cây trám có trên phần đất của ai thì thuộc quyền sở hữu của người đó.

Về nội dung kháng cáo không đồng ý bồi thường số tiền 14.938.000 đồng: Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 08/11/2017, ngày 26/12/2017, ngày 25/11/2018 xác định 24 cây hồi và 34 cây gỗ tạp đều nằm trong thửa 80, nay xác định thửa 80 thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông T nên có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T.

Từ những nội dung phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, bà H, anh L, anh L1 sửa bản án dân sự sơ thẩm 02/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, thấy rằng:

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Phiên tòa trong các ngày 20 và 28 tháng 11 năm 2018 là phiên tòa triệu tập lần thứ hai. Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của các đương sự đã được Tòa án triệu tập H lệ hai lần. Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Tuấn L, anh Hoàng Tú L1 vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Hoàng Văn T, các đương sự khác vắng mặt cũng đều đã có người ủy quyền tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện UBND huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của các đương sự thấy rằng: Việc ông Hoàng Văn T cho là thửa đất đang tranh chấp trước đây gia đình ông T được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Hồ sơ quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1996 có số lô 336, diện tích 0,65 ha, tuy nhiên qua kết quả thẩm định thì

thửa đất tranh chấp lại tương ứng với lô đất trồng rừng 262 trong bản đồ giao đất giao rừng đo vẽ năm 1996 mà Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Hoàng Văn K, mặt khác hộ gia đình ông T năm 2008 đã làm thủ tục cấp đổi từ Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng lô 336 có địa danh là Lô H, thôn B sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa đỏ) chuyển thành lô 70 trong Bản đồ đất lâm nghiệp đo vẽ năm 2008 của xã H (trong Hồ sơ cấp đổi ông T đều kê khai xin cấp đổi khu đất H) và hộ ông T đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 633333 ngày 02/11/2009.

[4] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận: Vị trí lô 262 và lô 336 được ngăn cách bởi rừng vầu, vị trí rừng vầu ông K nhận chuyển nhượng với ông Nguyễn Văn B (vợ là bà Triệu Thị M), hiện nay ông K đã xây dựng nhà, phía sau nhà ông K là phần diện tích đất tranh chấp được ngăn cách bởi một rãnh mương, phía trước nhà ông K là con đường dân sinh, dưới con đường là vườn chè, bên cạnh nhà là đám ruộng mua với ông Sơn.

[5] Từ lời khai của các đương sự tại tòa, qua xem xét đối chiếu với bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1996, bản đồ địa chính năm 2008, sơ họa phần đất tranh chấp xác định được: Theo bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1996, lô 336 có vị trí phía Tây giáp và bằng với lô 260 của ông Hoàng Văn C, còn lô 262 của gia đình ông K ở phía dưới, thấp hơn lô 260 và lô 336. Theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2008 vị trí đất tranh chấp thửa 87, 80 phía Tây giáp và bằng với thửa 86 của ông Hoàng Văn C, do đó có căn cứ khẳng định thửa 80 của ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 tương ứng với lô 336 của ông Hoàng Văn T được giao năm 1996.

[6] Kết quả đối chiếu này phù H với Biên bản kiểm tra thực địa ngày 17/9/2015, phù H với lời thừa nhận của ông Hoàng Văn K tại Biên bản lấy lời khai của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ngày 17/9/2015, phù H với nội dung nhận định của bản án hình sự sơ thẩm số 04/2016/HSST ngày 08/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn về việc xác định 24 cây hồi, 34 cây gỗ tạp ông Hoàng Văn T và anh Hoàng Tuấn L chặt nằm trong thửa đất số 80, tương ứng với lô 336, bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Hnăm 1996. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T, giao thửa đất số 80 tờ bản đồ số 02 xã H cho hộ ông Hoàng Văn T quản lý, sử dụng.

[7] Xét về yêu cầu bồi thường thiệt hại thấy: Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/11/2017, ngày 26/12/2017, ngày 25/11/2018 xác định được số cây bị chặt gồm 24 cây hồi và 34 cây gỗ tạp hiện đang nằm trong thửa đất số 80, theo nhận định ở trên thì thửa đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Hoàng Văn T nên ông Hoàng Văn T không phải bồi thường cho ông Hoàng Văn K. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn T đối với yêu cầu này.

[8] Từ những phân tích trên thấy rằng có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn T, bà Trần Thị H, anh Hoàng Tú L1, anh Hoàng Tuấn L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân

huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, việc sửa bản án do có tình tiết mới cấp sơ thẩm không có lỗi.

[9] Đối với các cây trồng trên thửa đất số 80: Các đương sự đều thừa nhận cây hồi, cây lê, cây bưởi, cây vải là do ông Hoàng Văn K trồng, khi trồng ông Hoàng Văn T có ngăn cản nhưng không báo chính quyền địa phương, nay xác định thửa đất số 80 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Hoàng Văn T nên ông T được quyền sở hữu cây trên đất nhưng phải bù cho ông Hoàng Văn K trị giá các cây trên đất. Đối với 03 cây trám hai bên đương sự đều khai rằng do mình trồng nhưng không có căn cứ chứng minh, do đó cây trên đất của ai thì thuộc quyền sở hữu của người đó. Đối với các cây gỗ tạp do tự mọc, hai bên đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, cây mọc trên đất của ai do người đó quản lý.

[10] Đối với kết luận giám định ngày 05/11/2018, do không không có kết quả chính xác nên không có giá trị pháp lý.

[11] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.600.000đồng (chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Do ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn K mỗi người được quản lý, sử dụng ½ phần diện tích đất đang có tranh chấp nên mỗi người phải chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nêu trên, cụ thể mỗi người phải chịu 4.800.000đồng (bốn triệu tám tram nghìn đồng).

[12] Về chi phí giám định: Do yêu cầu giám định bản đồ của ông Hoàng Văn T không có kết quả cụ thể nên ông Hoàng Văn T phải chịu chi phí giám định với số tiền 2.800.000 đồng.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự trong vụ án đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2017 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên ông Hoàng Văn T, bà Trần Thị H, anh Hoàng Tú L1, anh Hoàng Tuấn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2017 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 161; Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 100; 101 của Luật Đất đại năm 2013; Điều 584; 585; 587; 589 của Bộ luật Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hoàng Văn T, bà Trần Thị H, anh Hoàng Tuấn L, ông Hoàng Tú L1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, cụ thể:

1. Hộ ông Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 80 diện tích 4.056,9m^2 tại Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, Thửa đất có các phía tiếp giáp sau: Phía Đông giáp phần còn lại của thửa đất 80 của Hoàng Văn K, phía tây giáp thửa đất 87 của ông Hoàng Văn K, phía nam giáp thửa đất 91 của ông Hoàng Văn K, phía bắc giáp thửa đất số 70 của ông Hoàng Văn T. Hộ ông Hoàng Văn T có quyền làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Trên đất có: 67 cây hồi đường kính gốc từ 05 cm - 10cm, 09 cây hồi đường kính gốc từ 10cm – 15cm; 02 cây bưởi đường kính gốc từ 05cm – 10cm; 01 cây bưởi đường kính gốc từ 10cm – 15cm; 02 cây lê đường kính gốc 10cm – 15cm; 01 cây vải đường kính gốc 30cm; 01 cây trám đường kính gốc 10-15cm; 01 cây trám đường kính gốc 20-25cm và các cây gỗ tạp.

Hộ ông Hoàng Văn K quản lý, sử dụng thửa 87 diện tích 4.096,8m^2 tại Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, Thửa đất có các phía tiếp giáp sau: Phía Bắc giáp cộng đồng dân cư và đất ông Hoàng Văn T, phía đông giáp thửa đất 80 mang tên hộ ông Hoàng Văn K, phía tây giáp đất ông Hoàng Văn C và đất ông Hoàng Văn K, phía nam giáp đất ông Hoàng Văn K. Trên đất có: 15 cây hồi đường kính gốc từ 02-05cm; 44 cây hồi đường kính gốc từ 05 cm - 10cm, 10 cây hồi đường kính gốc từ 10cm – 15cm; 02 cây trám đường kính gốc 15-20cm; 01 cây trám đường kính gốc 40-45cm; 01 cây vải đường kính gốc 20cm và các cây gỗ tạp.

Ranh giới giữa thửa 80 và thửa 87 được xác định như sau:

- Mốc dưới: Cây vối cạn đường kính gốc 15cm, cây sau sau đường kính gốc 25cm;

- Mốc giữa: cây trám đen đường kính gốc 40cm;

- Mốc trên: Cây mạy khỉu đường kính gốc khoảng 18 cm (đã được đánh dấu bằng vết dao gọt hai bên gốc cây) cách mốc giữa lên 30m.

(Có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của ông Hoàng Văn K với số tiền là 14.938.000đồng (mười bốn triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng) tương ứng với trị giá 24 cây hồi và 34 cây gỗ tạp.

3. Buộc ông Hoàng Văn T phải bồi thường cho ông Hoàng Văn K số tiền 45.367.000 đồng (bốn mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi bẩy nghìn đồng) tương ứng với giá trị 67 cây hồi đường kính gốc từ 05 cm - 10cm, 09 cây hồi đường kính gốc từ 10cm – 15cm; 02 cây bưởi đường kính gốc từ 05cm – 10cm; 01 cây bưởi đường kính gốc từ 10cm – 15cm; 02 cây lê đường kính gốc 10cm – 15cm; 01 cây vải đường kính gốc 30cm.

Kể từ ngày ông Hoàng Văn K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hoàng Văn T chậm thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về chi phí tố tụng:

4.1. Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Buộc ông Hoàng Văn T phải chịu 4.800.000đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Hoàng Văn T đã nộp đủ chi phí.

Ông Hoàng Văn K phải chịu 4.800.000đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Ông Hoàng Văn K phải hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn T 4.200.000đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày ông Hoàng Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hoàng Văn K chậm thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4.2. Về chi phí giám định: Buộc ông Hoàng Văn T phải chịu 2.800.000đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Hoàng Văn T đã nộp đủ.

5. Về án phí Dân sự:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Hoàng Văn K 1.000.000đồng (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000252 ngày 22/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định.

Trả lại cho ông Hoàng Văn T 1.846.000đồng (một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03614 ngày 24/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn T, bà Trần Thị H, anh Hoàng Tú L1, anh Hoàng Tuấn L không phải án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Hoàng Văn T, bà Trần Thị H, anh Hoàng Tú L1, anh Hoàng Tuấn L 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2015/0000317; AA/2015/0000316; AA/2015/000315; AA/2015/0000314 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. Tràng Định, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người ĐDHP của các đương sự;
- Người BVQLIHP của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP; TDS; KTNV và THA.

Phạm Văn Tuệ